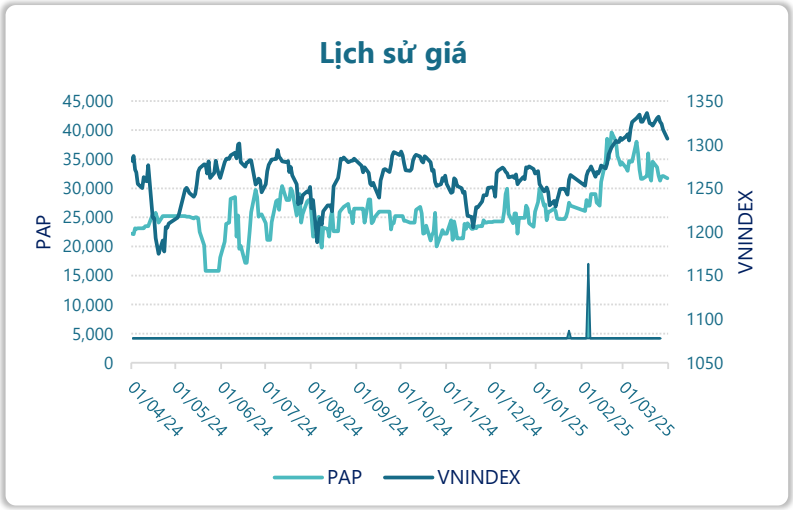
FireAnt

CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**31,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,800
SL cổ phiếu LH	232,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,445
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,354
P/E	-53.1
EPS	-597

DT thuần

Q1/25

13.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.5| 528%

YoY: ▲ 13.7|

LN sau thuế

Q1/25

-123

tỷ VNĐ

QoQ: ▼99.2| -415%

YoY: ▼122| -8128%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-647%

#VALUE!

DT thuần

2024

2.18

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.18|

LN sau thuế

2024

-17.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.5| -155%

ROE

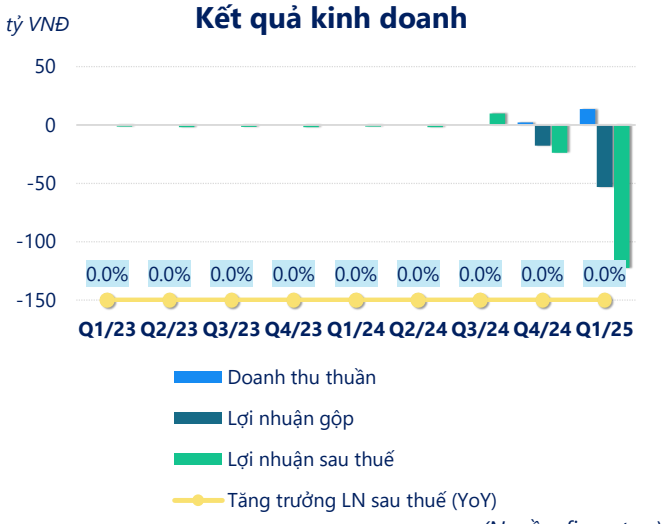
2024

-0.8%

+/- YoY: ▼ 0.4%

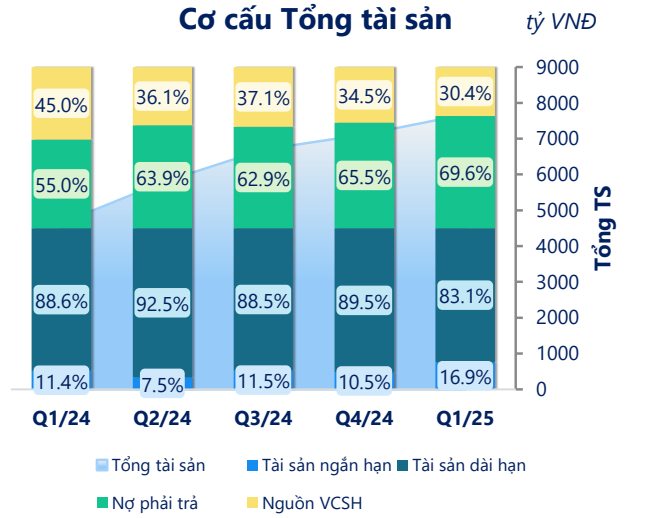
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



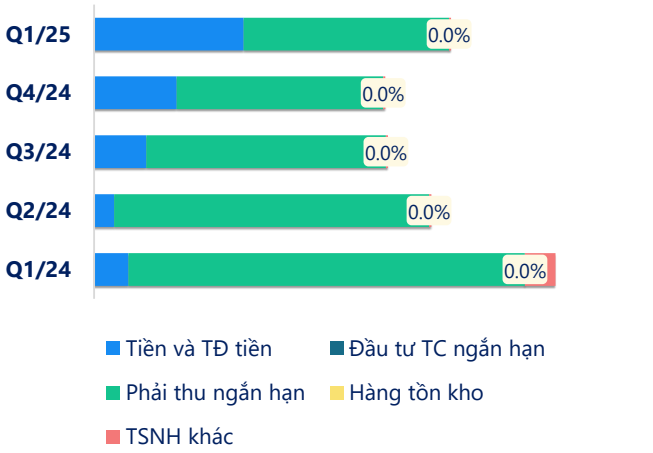
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



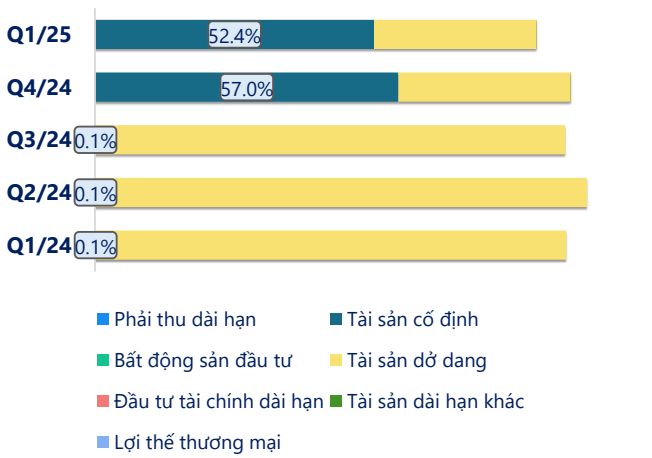
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



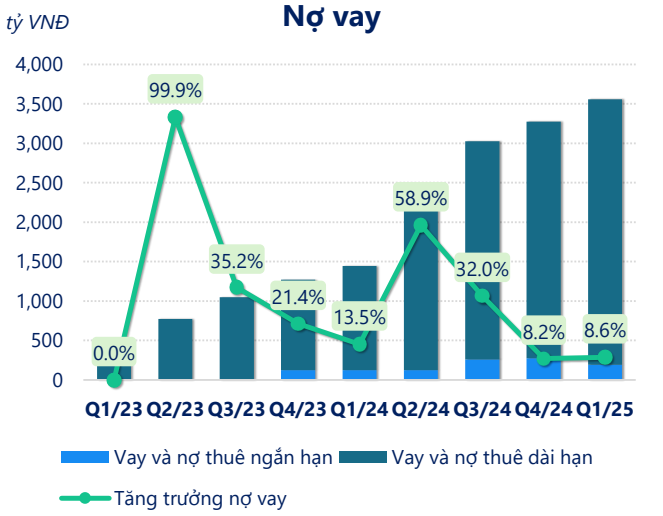
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



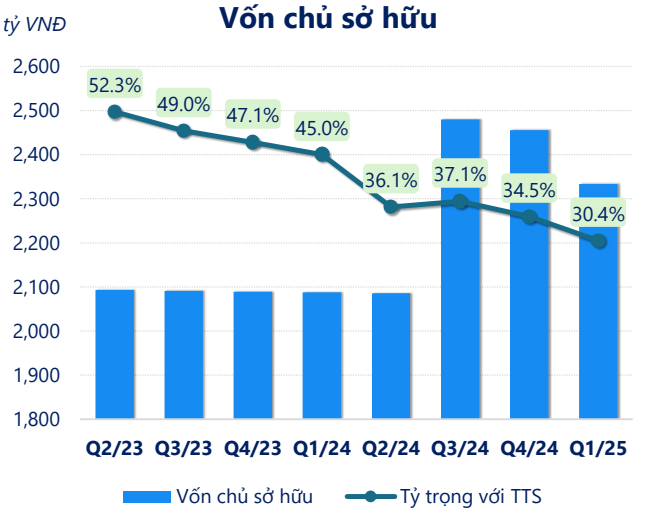
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



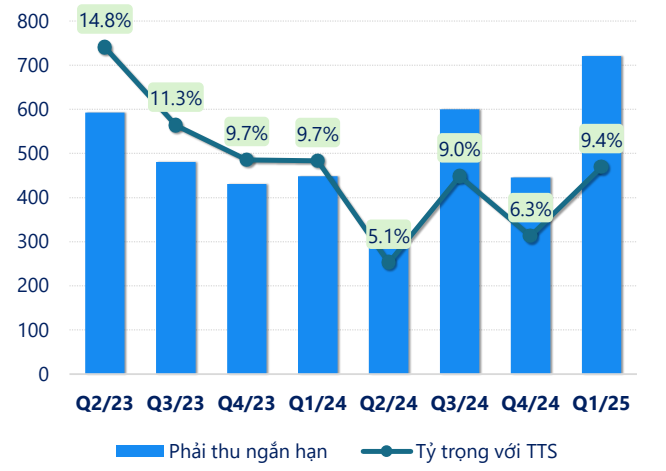
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



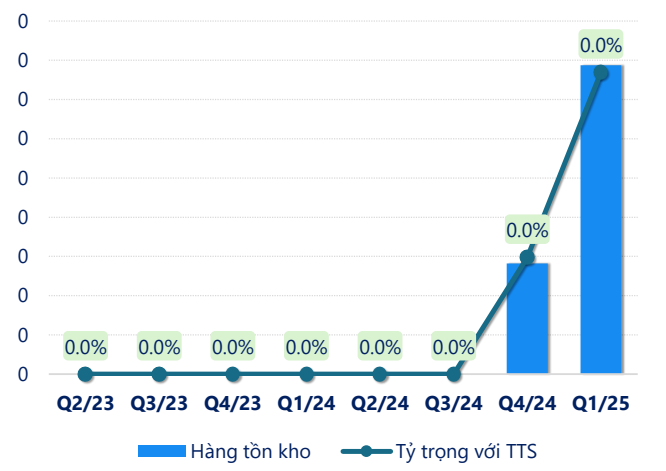
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



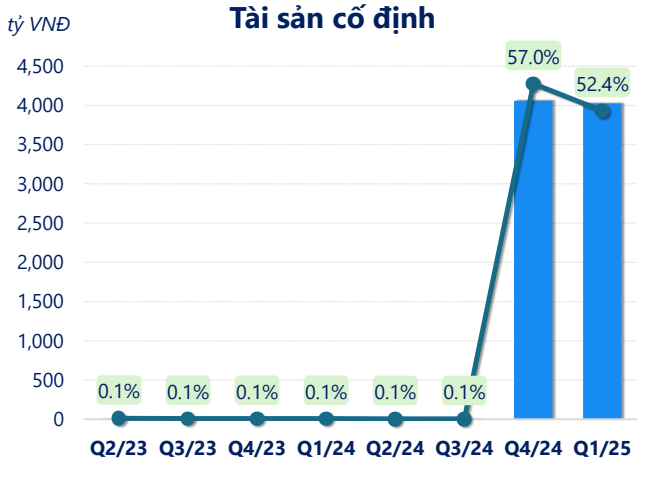
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



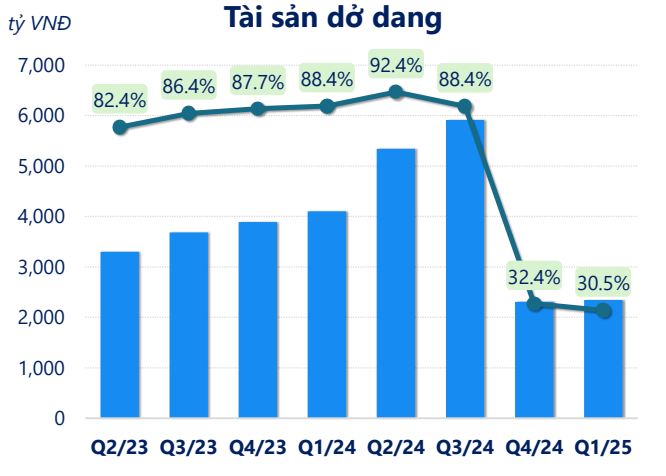
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



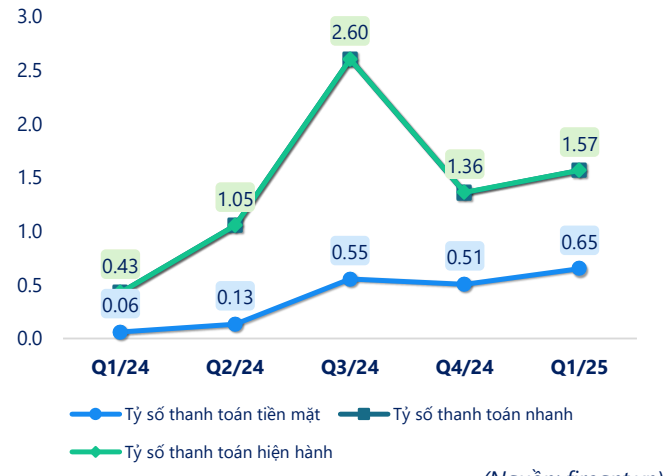
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



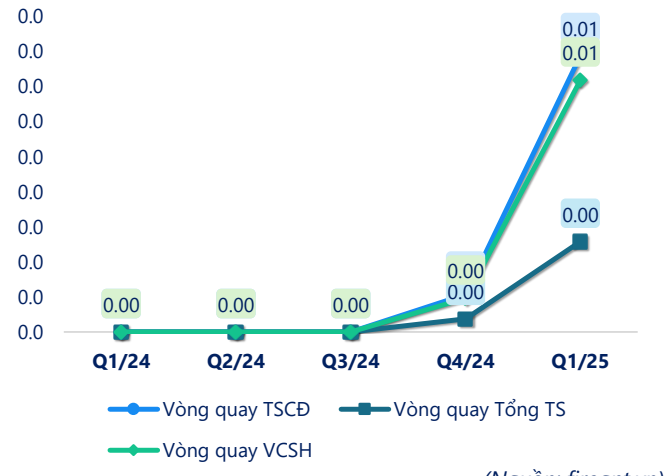
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**4,641**	**5,779**	**6,692**	**7,121**	**7,677**
Tài sản ngắn hạn	**528**	**431**	**771**	**744**	**1,300**
Tiền và tương đương tiền	74.7	54.5	164	277	540
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	448	292	600	446	721
Hàng tồn kho	0	0	0	0.14	0.39
Tài sản ngắn hạn khác	4.44	84.2	6.57	21.8	38.8
Tài sản dài hạn	**4,113**	**5,348**	**5,921**	**6,377**	**6,378**
Phải thu dài hạn	3.88	3.88	3.88	3.88	3.88
Tài sản cố định	4.73	4.59	4.46	4,059	4,024
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4,105	5,340	5,913	2,309	2,345
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	4.16	4.13
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,553**	**3,693**	**4,212**	**4,665**	**5,344**
Nợ ngắn hạn	**1,233**	**409**	**296**	**547**	**830**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	123	126	259	273	191
Phải trả người bán ngắn hạn	1.61	258	5.45	12.4	10.9
Nợ dài hạn	1,320	3,284	3,916	4,118	4,514
Vay và nợ thuê dài hạn	1,320	2,166	2,767	3,000	3,365
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,088**	**2,086**	**2,480**	**2,456**	**2,333**
Vốn chủ sở hữu	**2,088**	**2,086**	**2,480**	**2,456**	**2,333**
Vốn điều lệ	2,000	2,000	2,320	2,320	2,320
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)